

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 / 4 / 2023

*“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bằng;

- Bà Võ Thị Thanh Phương.

- **Thư kA phiên tòa:** Ông Tạ Văn Dũng, Thư kA Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ 1A số 317/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Như A, sinh năm 1983, nơi cư trú: số 19X, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Dương Vi B, sinh năm 1996, nơi cư trú: Tổ 2, khóm H, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bà Như A có mặt; ông B vắng mặt 2 lần không 1A do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị Như A trình bày:

Bà và ông B tự tìm hiểu quen biết nhau, đăng kA kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, phường T (nay là thành phố Thủ Đức), thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 30 tháng 3 năm 2020. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, về sau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng

quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông B có 01 con chung là cháu Dương Kim S, sinh ngày 03/6/2021. Tháng 7 năm 2022, B dẫn con chung đi khỏi nhà cho đến nay. Nay tình cảm không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông B, yêu cầu được nuôi dạy con chung (S), yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thụ lý vụ án và ban hành các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông B đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Như A vẫn giữ nguyên A kiến, yêu cầu.

- A kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không lý do, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình

Về hôn nhân: Năm 2020, bà A và ông B đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Thọ, quận (nay thành phố) Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số 43, ngày 30/3/2020 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân giữa bà A và ông B phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ tháng 07/2022 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không quan tâm, liên lạc với nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, có kéo dài cuộc hôn nhân thì mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên việc bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà A yêu cầu nuôi dạy con chung Dương Kim S, sinh ngày 03/6/2021; yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy, mặc dù con chung Kim S chưa tròn 36 tháng tuổi, nhưng cháu S sinh sống cùng ông B từ lúc tròn 01 tuổi (tháng 07/2022) cho đến nay. Do đó, để ổn định cuộc sống, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu S, nên giao cho ông B tiếp tục nuôi dạy con chung là phù hợp; không chấp nhận yêu cầu nuôi dạy con chung Kim S của bà A. Đối với việc bà A không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và ông B có đơn yêu cầu thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Như A được ly hôn với ông Dương Vi B; không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung Dương Kim S, sinh ngày 03/6/2021 của bà A; ông B được nuôi dạy con chung Dương Kim S, sinh ngày 03/6/2021; bà A cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và ông B có đơn yêu cầu thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn đăng kA hộ khẩu thường trú trên địa bàn thành phố K. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng vắng mặt không rõ lA do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Như A và ông B tự tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng kA kết hôn theo quy định, nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Bà A yêu cầu ly hôn ông B, nêu nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, ông B đã bỏ nhà đi từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông B nhiều lần đến

Tòa hòa giải, nhưng ông B vắng mặt. Như vậy cho thấy, tình cảm giữa bà A và ông B không còn, các bên không còn quan tâm lẫn nhau. Do đó, bà A yêu cầu ly hôn ông B là có căn cứ, xét chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà A và ông B có 01 con chung là cháu Dương Kim S, sinh ngày 03/6/2021. Bà A yêu cầu nuôi cháu S, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng. Xét thấy, mặc dù con chung Kim S chưa tròn 36 tháng tuổi, nhưng cháu S được ông B chăm sóc từ tháng 07/2022 cho đến nay, cơ bản ổn định cuộc sống. Do đó, tiếp tục giao cháu S cho ông B nuôi dạy, bà A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đề cập.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp. Do đó bà A không phải nộp thêm án phí.

Ông B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Như A được ly hôn ông Dương Vi B.

Về con chung: Ông Dương Vi B được tiếp tục nuôi dạy cháu Dương Kim S, sinh ngày 03/6/2021 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Bà Như A không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Dương Vi B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Huỳnh Thị Như A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2] Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, quận (nay là thành phố) Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

[3] Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Như A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002435 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố K. Bà Như A đã nộp đủ án phí.

Ông Dương Vi B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Như A có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Dương Vi B là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát ND Tỉnh (1)
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng kA kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc